

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI VÀ
XẾP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1104-2021/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
Mã chứng khoán: HAH
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.39877515
Fax: 024.39444022
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Minh
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đinh Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 0225.3979721
Fax: 0225.3979718
Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính Quý I năm 2021" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/4/2021 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Quý I năm 2021

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh

Số: 0904 -2021/QHCĐ-HATS

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2021

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC QUÝ 1 NĂM 2021

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 15/05/2020.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính Quý 1 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng **73,86%** so với cùng kỳ năm ngoái là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng đội tàu Hải An tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước dẫn tới sản lượng hoạt động khai thác cảng cũng tăng 15%.
- Thu nhập từ hoạt động khai thác tàu tăng do Công ty đầu tư thêm HA View vào tháng 7/2020.
- Thu nhập từ hoạt động đại lý tăng hơn 60% so với quý 1 năm 2020.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Trưởng phòng TCKT

A blue ink signature of Trần Thị Thanh Hảo.

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		447,544,102,907	410,423,927,746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	139,155,493,785	135,041,246,938
1. Tiền	111		95,166,653,785	61,961,836,909
2. Các khoản tương đương tiền	112		43,988,840,000	73,079,410,029
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36,500,000,000	22,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36,500,000,000	22,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238,974,021,351	216,124,055,060
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60,343,007,651	62,426,475,548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26,581,197,762	2,478,035,571
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	12,000,000,000	20,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	140,214,649,550	131,384,377,553
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164,833,612)	(164,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		16,515,810,592	16,093,858,712
1. Hàng tồn kho	141	V.8	16,515,810,592	16,093,858,712
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,398,777,179	20,664,767,036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2,371,538,394	2,472,325,886
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14,027,238,785	18,192,441,150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		962,869,979,224	950,530,632,702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		103,400,000,000	68,400,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	33,400,000,000	23,400,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	70,000,000,000	45,000,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		600,060,580,798	619,337,262,671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	597,527,495,448	616,764,793,282
<i>Nguyên giá</i>	222		1,062,385,473,154	1,063,932,557,608
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(464,857,977,706)	(447,167,764,326)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2,533,085,350	2,572,469,389
<i>Nguyên giá</i>	228		6,541,325,236	6,541,325,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,008,239,886)	(3,968,855,847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,373,885,078	658,181,817
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1,373,885,078	658,181,817
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	248,399,984,824	251,420,477,727
1. Đầu tư vào công ty con	251		270,622,700,000	270,622,700,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1,494,000,000	1,494,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866,500	866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23,717,581,676)	(20,697,088,773)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9,635,528,524	10,714,710,487
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	9,635,528,524	10,714,710,487
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,410,414,082,131	1,360,954,560,448

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		380,189,328,250	373,085,837,455
I. Nợ ngắn hạn	310		159,000,687,003	151,129,030,382
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14,479,881,164	15,746,782,530
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5,976,844,114	5,364,035,919
4. Phải trả người lao động	314		2,607,816,930	6,358,613,873
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3,518,255,770	786,004,969
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	26,909,092	1,933,281,383
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	46,291,428,131	37,431,091,729
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	65,053,140,155	58,147,408,332
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	21,046,411,647	25,361,811,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		221,188,641,247	221,956,807,073
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		116,000,000,000	105,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	105,188,641,247	116,956,807,073
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,030,224,753,881	987,868,722,993
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1,030,224,753,881	987,868,722,993
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115,606,612,922	115,606,612,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(22,905,485,178)	(22,905,485,178)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		235,778,070,809	235,778,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		213,918,045,328	171,562,014,440
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		171,562,014,440	171,562,014,440
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42,356,030,888	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,410,414,082,131	1,360,954,560,448

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm nay	Quý 1 Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	153,388,063,221	132,422,167,531
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		153,388,063,221	132,422,167,531
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	100,618,330,160	98,894,057,315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52,769,733,061	33,528,110,216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,938,159,017	4,796,860,554
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,815,056,328	5,997,002,666
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,755,848,438	2,177,492,480
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5,787,932,216	5,212,485,120
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47,104,903,534	27,115,482,984
11. Thu nhập khác	31	VI.6	210,499,634	12,189,172
12. Chi phí khác	32	VI.7	872,637	2,749,229
13. Lợi nhuận khác	40		209,626,997	9,439,943
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47,314,530,531	27,124,922,927
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4,958,499,643	2,763,128,088
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>42,356,030,888</u>	<u>24,361,794,839</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT

Trần Thị Thanh Hào



Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47,314,530,531	27,124,922,927
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16,795,982,727	19,088,161,208
- Các khoản dự phòng	03		3,020,492,903	2,097,340,834
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(134,873,392)	1,559,199,597
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,563,954,936)	(4,300,578,059)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1,755,848,438	2,177,492,480
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64,188,026,271	47,746,538,987
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26,595,805,810)	(6,109,053,968)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(421,951,880)	621,257,985
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		17,141,725,026	(11,947,762,159)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,179,969,455	(104,799,346)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,723,597,637)	(2,688,344,140)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(3,615,267,484)	(4,781,304,030)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(4,315,400,000)	(2,404,800,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45,837,697,941	20,331,733,329
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(23,020,475,201)	(107,667,194)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		454,545,455	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36,000,000,000)	(4,389,625,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,000,000,000	5,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,576,401,994	1,644,582,457
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36,989,527,752)	2,147,290,263

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31 V.21	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	16,470,228,880	7,806,333,080
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(21,173,552,954)	(9,712,857,234)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 V.21	(438,900)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4,703,762,974)	(1,906,524,154)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4,144,407,215	20,572,499,438
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	135,041,246,938	180,212,617,667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(30,160,368)	49,367,930
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	139,155,493,785	200,834,485,035

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại thời điểm cuối kỳ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 74 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 73 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1,582,650,578	435,002,664
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93,584,003,207	61,526,834,245
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	43,988,840,000	73,079,410,029
Cộng	139,155,493,785	135,041,246,938

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	270,622,700,000	(23,717,581,676)	270,622,700,000	(20,697,088,773)
Công ty TNHH Cảng Hải An (i)	30,000,000,000		30,000,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (ii)	101,000,000,000		101,000,000,000	
Công ty TNHH Pan	139,622,700,000	(23,717,581,676)	139,622,700,000	(20,697,088,773)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hải An (iii)		
Đầu tư vào công ty liên kết	1,494,000,000	1,494,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1,494,000,000	1,494,000,000
(iv)		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866,500	866,500
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000	864,000
Công ty Cổ phần MHC	2,500	2,500
Cộng	<u>272,117,566,500</u>	<u>(23,717,581,676) 272,117,566,500 (20,697,088,773)</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (iv) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFC, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Số đầu năm	20,697,088,773	10,191,169,486
Trích lập dự phòng bổ sung	3,020,492,903	2,097,340,834
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	<u>23,717,581,676</u>	<u>12,288,510,320</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)		
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	60,461,670,713	57,571,374,427
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	11,014,661,733	9,655,039,853
Thuê văn phòng của công ty mẹ	432,040,908	
Tiền điện, điều hòa	183,300,817	
Phí quản lý khác phải trả cho HAP	246,000,000	
Lợi nhuận được chia từ HAP	2,778,378,414	2,152,390,750
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)		
Cung cấp dịch vụ cho HACT	37,536,351,223	26,119,055,512
Thuê văn phòng công ty mẹ	188,181,819	
Chi hộ HACT	66,425,200	216,453,822
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	5,855,025,000	5,250,827,462
Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)		
Góp vốn vào Pan Hải An		
Pan cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	1,077,659,699	1,650,000,000
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	63,405,000	8,384,000
Cho Pan Hải An vay	10,000,000,000	
Thu lại tiền cho vay		5,000,000,000
Lãi cho vay	292,500,000	291,583,333
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC	324,514,969	598,530,003

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	55,485,358,235	57,012,207,834
Công ty TNHH Cảng Hải An	21,426,913,284	20,392,337,400
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	32,253,599,533	33,802,424,987
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1,035,205,532	1,366,908,818
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	131,572,969	755,165,007
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	15,004,000	2,299,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	12,644,500	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	610,418,417	693,072,622
Các khách hàng khác	4,857,649,416	5,414,267,714
Cộng	60,343,007,651	62,426,475,548

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	26,581,197,762	2,478,035,571

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Công ty TNHH Hàng Hải Sao Mai</i>	1,723,520,040	
<i>Cảng vụ hàng hải Hải Phòng</i>	127,472,490	
<i>Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh</i>	112,711,415	
<i>Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Công trình Hàng Hải</i>	359,400,000	359,400,000
<i>Công ty cổ phần ô tô Bắc Áu</i>	200,000,000	
<i>Công ty CP thiết kế xây dựng và đầu tư phát triển Minh Thịnh</i>	155,896,250	
<i>ISS MACHINERY SERVICES LIMITED</i>	1,582,224,960	133,428,000
<i>KOCKS ARDELT KRANBAU GMBH</i>	3,675,301,940	1,677,109,838
<i>Stephenson Harwood LLP</i>	18,429,470,000	
Các nhà cung cấp khác	215,200,667	308,097,733
Cộng	26,581,197,762	2,478,035,571

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
Công ty TNHH Pan Hải An (i)		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	12,000,000,000	20,000,000,000
Cho Ông Lê Phong Hiếu vay (ii)	12,000,000,000	20,000,000,000
Cộng	12,000,000,000	20,000,000,000

(i) Khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An là bên liên quan vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 24 tháng, thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay và có thể gia hạn tối đa thêm 24 tháng. Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể sau khi hết thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau của ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay.

(ii) Khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng. Nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	26,090,691,203		17,585,109,947	
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	7,084,527,610		4,306,149,196	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	18,842,197,153		13,131,905,366	
Các khoản chi hộ	163,966,440		147,055,385	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	114,123,958,347		113,799,267,606	
Lãi tiền gửi dự thu	73,380,822		73,380,822	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu tạm tính	151,668,000	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)	112,423,676,376	112,423,676,376
Ký cược, ký quỹ	471,518,076	406,518,076
Tạm ứng	888,060,000	805,240,000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	115,655,073	90,452,332
Cộng	140,214,649,550	131,384,377,553

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	70,000,000,000		45,000,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (*)	70,000,000,000		45,000,000,000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Cộng	70,000,000,000		45,000,000,000	

- (*) Phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45,000,000,000	56.25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10,000,000,000	12.50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10,000,000,000	12.50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10,000,000,000	12.50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5,000,000,000	6.25%
Cộng	80,000,000,000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
Cộng		164.833.612	(164.833.612)		164.833.612	(164.833.612)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	164,833,612	164,833,612
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	164,833,612	164,833,612

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16,491,288,774		16,055,292,995	
Công cụ, dụng cụ	24,521,818		38,565,717	
Cộng	16,515,810,592		16,093,858,712	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	1,102,418,495	848,221,457
Phí đường bộ	66,415,501	49,994,000
Chi phí thuê văn phòng	16,000,000	64,000,000
Dầu nhờn	1,100,563,666	1,288,569,717
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	86,140,732	221,540,712
Cộng	2,371,538,394	2,472,325,886

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	139,721,028	201,495,045
Chi phí lên đà tàu HaiAn Link	9,495,807,496	10,513,215,442

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng

9,635,528,524

10,714,710,487

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	227,398,863,668	290,869,216,266	523,967,169,138	775,938,182	20,921,370,354	1,063,932,557,608
Mua trong kỳ						-
Thanh lý, nhượng bán			(1,547,084,454)			(1,547,084,454)
Số cuối kỳ	227,398,863,668	290,869,216,266	522,420,084,684	775,938,182	20,921,370,354	1,062,385,473,154
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	40,445,221,047	148,028,872,441		294,849,091		
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	128,761,040,639	234,926,934,562	74,409,245,921	655,495,049	8,415,048,155	447,167,764,326
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	2,507,433,034	4,009,301,782	11,928,495,419	25,599,912	521,096,760	18,991,926,907
Thanh lý, nhượng bán			(1,301,713,527)			(1,301,713,527)
Số cuối kỳ	131,268,473,673	238,936,236,344	85,036,027,813	681,094,961	8,936,144,915	464,857,977,706
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	98,637,823,029	55,942,281,704	449,557,923,217	120,443,133	12,506,322,199	616,764,793,282
Số cuối kỳ	96,130,389,995	51,932,979,922	437,384,056,871	94,843,221	11,985,225,439	597,527,495,448

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	1,596,310,000	6,541,325,236
Mua trong kỳ			-
Số cuối kỳ	4,945,015,236	1,596,310,000	6,541,325,236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1,515,060,000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,391,504,165	1,577,351,682	3,968,855,847
Khấu hao trong kỳ	35,321,538	4,062,501	39,384,039
Số cuối kỳ	2,426,825,703	1,581,414,183	4,008,239,886
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,553,511,071	18,958,318	2,572,469,389
Số cuối kỳ	2,518,189,533	14,895,817	2,533,085,350

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	567,727,272	715,703,261		-	1,283,430,533
Xây dựng cơ bản dở dang	90,454,545				90,454,545
Cộng	658,181,817	715,703,261	-	-	1,373,885,078

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1,314,659,643	1,429,630,855
Công ty TNHH Pan Hải An	539,356,969	491,725,239
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	109,682,652	55,407,808
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	644,620,022	882,497,808

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	21,000,000	
Phải trả các nhà cung cấp khác	13,165,221,521	14,317,151,675
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	1,912,359,240	1,580,351,648
Triton Container International Limited-Colle	2,434,403,780	2,292,823,903
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	646,840,261	
Công ty TNHH MTV tâm cảng Hải Phòng	1,189,606,660	1,586,040,500
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	1,081,117,000	
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ẬU	1,098,513,900	
Các nhà cung cấp khác	4,802,380,680	8,857,935,624
Cộng	14,479,881,164	15,746,782,530

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	668,452,437	1,332,592,740	(1,420,027,333)	581,017,844
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,615,267,483	4,366,845,349	(3,615,267,484)	4,366,845,348
Thuế thu nhập cá nhân	1,080,315,999	1,300,456,492	(1,351,791,569)	1,028,980,922
Thuế môn bài	-	5,000,000	(5,000,000)	-
Cộng	5,364,035,919	7,004,894,581	(6,392,086,386)	5,976,844,114

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47,314,530,531	27,124,922,927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		28,000,000
- Các khoản điều chỉnh tăng		28,000,000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	<u>47,314,530,531</u>	<u>27,152,922,927</u>
Thu nhập được miễn thuế	(2,778,378,414)	(2,152,434,750)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	<u>44,536,152,117</u>	<u>25,000,488,177</u>
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	26,324,901,211	14,913,130,316
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	5,740,307,805	3,603,891,267
- Hoạt động khai thác tàu	12,470,943,101	6,483,466,594
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8,907,230,423	5,000,097,635
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(2,632,485,719)	(1,491,313,031)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1,316,245,061)	(745,656,516)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4,958,499,643	2,763,128,088
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4,958,499,643</u>	<u>2,763,128,088</u>
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(1,427,572,947)	(473,592,276)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	835,918,653	465,117,964
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>4,366,845,349</u>	<u>2,754,653,776</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3,518,255,770	786,004,969
Chi phí sửa chữa bãi cảng	1,800,000,000	
Chi phí lãi vay phải trả	818,255,770	786,004,969
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	900,000,000	
Cộng	3,518,255,770	786,004,969

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	13,627,700,611	10,419,025,998
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh BCC	3,501,423,389	2,659,374,929
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh BCC	705,697,044	479,445,983
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An- lãi hợp tác kinh doanh BCC	4,559,968,955	3,378,543,902
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà -lãi hợp tác kinh doanh BCC	3,148,574,863	2,419,651,934
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh BCC	1,577,036,360	1,212,009,250
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	135,000,000	270,000,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	32,663,727,520	27,012,065,731
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	31,841,925,999	26,236,882,839
Kinh phí công đoàn	112,514,009	197,445,359
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	63,515	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	535,372,500	535,811,400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	173,851,497	41,926,133
Cộng	46,291,428,131	37,431,091,729

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD</i>	35,000,000,000	35,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5,000,000,000	5,000,000,000
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD</i>	70,000,000,000	70,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30,000,000,000	30,000,000,000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15,000,000,000	15,000,000,000
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 02-2021/HĐHTKD</i>	11,000,000,000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11,000,000,000	
Cộng	116,000,000,000	105,000,000,000

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	16,470,228,880	8,889,932,577
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		8,889,932,577
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	16,470,228,880	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	48,582,911,275	49,257,475,755
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	36,662,008,985	36,705,445,865
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	1,857,742,290	2,488,869,890
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10,063,160,000	10,063,160,000
Cộng	65,053,140,155	58,147,408,332

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	8,889,932,577	49,257,475,755	58,147,408,332
Số tiền vay phát sinh trong năm	16,470,228,880		16,470,228,880
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		11,681,292,246	11,681,292,246
Số tiền vay đã trả trong năm	(8,889,932,577)	(12,283,620,377)	(21,173,552,954)
Tăng giảm do CLTG thực hiện trong kỳ		(72,236,349)	(72,236,349)
CLTG do đánh giá lại cuối kỳ			-
Số cuối kỳ	<u>16,470,228,880</u>	<u>48,582,911,275</u>	<u>65,053,140,155</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	72,483,381,247	81,735,757,073
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	32,705,260,000	35,221,050,000
Cộng	<u>105,188,641,247</u>	<u>116,956,807,073</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTĐ/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 sowmi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 02.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29 tháng 11 năm 2019 đầu tư 2 xe nâng container trục xoay. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đầu kéo và 5 sowmi romooc, tàu Hải An Link, tàu Hải An Mind và 02 xe nâng hình thành trong tương lai.

- (ii) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty
- (iii) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng cấp tín dụng trung dài hạn 0056-2020-HDDTD-BVB007 ngày 17/07/2020 để đầu tư dự án tàu container Stellar Willemstadt thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả theo tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Haian View.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	48,582,911,275	49,257,475,755
Trên 1 năm đến 5 năm	105,188,641,247	116,956,807,073
Cộng	153,771,552,522	166,214,282,828

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	116,956,807,073	114,623,264,579
Số tiền vay phát sinh	-	55,606,741,216
Số tiền vay đã trả trong năm		(282,000,000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(11,681,292,246)	(53,254,563,394)
Tăng, giảm do chênh lệch tỷ giá	(86,873,580)	263,364,672
Số cuối kỳ	105,188,641,247	116,956,807,073

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	17,981,167,213	(4,178,000,000)	13,803,167,213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	7,380,644,434	(137,400,000)	7,243,244,434
Cộng	25,361,811,647	(4,315,400,000)	21,046,411,647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	206,901,070,809	144,383,217,117	939,797,491,170
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	113,554,595,323	113,554,595,323
Trích lập các quỹ	-	-	-	28,877,000,000	(38,983,000,000)	(10,106,000,000)
Trả cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47,392,798,000)	(47,392,798,000)
Số dư cuối năm trước	<u>487,827,510,000</u>	<u>115,606,612,922</u>	<u>(22,905,485,178)</u>	<u>235,778,070,809</u>	<u>171,562,014,440</u>	<u>987,868,722,993</u>
						-
Số dư đầu năm nay	487,827,510,000	115,606,612,922	(22,905,485,178)	235,778,070,809	171,562,014,440	987,868,722,993
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	42,356,030,888	42,356,030,888
Số dư cuối kỳ năm nay	<u>487,827,510,000</u>	<u>115,606,612,922</u>	<u>(22,905,485,178)</u>	<u>235,778,070,809</u>	<u>213,918,045,328</u>	<u>1,030,224,753,881</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48,782,751	48,782,751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	48,782,751	48,782,751
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48,782,751	48,782,751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,389,953	1,389,953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1,389,953	1,389,953
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47,392,798	47,392,798
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	47,392,798	47,392,798

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
*Ngoại tệ các loại***

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	700,298.46	1,017,409.40
Euro (EUR)	40.54	40.54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	73,431,078,215	63,172,110,885
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	58,499,987,556	50,827,449,793
Doanh thu hoạt động khác	21,456,997,450	18,422,606,853
Cộng	153,388,063,221	132,422,167,531

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	41,507,718,822	43,714,657,901
Giá vốn của hoạt động tàu	44,713,970,086	40,642,049,100
Giá vốn dịch vụ khác	14,396,641,252	14,537,350,314
Cộng	100,618,330,160	98,894,057,315

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	542,840,350	1,856,559,976
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	18,596,736	22,035,259
Lãi tiền cho vay	1,033,561,644	291,583,333
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,778,378,414	2,152,434,750
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	460,715,030	426,137,445
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	104,066,843	48,109,791
Cộng	4,938,159,017	4,796,860,554
4. Chi phí tài chính		
	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Chi phí lãi vay	1,755,848,438	2,177,492,480
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3,020,492,903	2,097,340,834
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	38,714,987	114,859,964
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1,607,309,388
Cộng	4,815,056,328	5,997,002,666
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Chi phí cho nhân viên	3,129,811,995	2,459,738,150
Chi phí vật liệu quản lý	72,324,637	99,808,479
Chi phí đồ dùng văn phòng	81,760,325	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	310,412,237	466,775,706
Thuế, phí và lệ phí	20,553,907	29,556,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	682,032,738	743,281,212
Các chi phí khác	1,491,036,377	1,413,325,573
Cộng	5,787,932,216	5,212,485,120
6. Thu nhập khác		
	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	209,174,528	
Xử lý công nợ	-	12,188,688
Thu nhập khác	1,325,106	484
Cộng	210,499,634	12,189,172
7. Chi phí khác		
	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Xử lý công nợ	872,637	2,749,229
Chi phí khác	-	
Cộng	872,637	2,749,229

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	809,895,386	429,126,924
Phụ cấp	117,900,000	222,000,000
Tiền thưởng	1,420,101,054	1,318,500,284
Cộng	<u>2,347,896,440</u>	<u>1,969,627,208</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Logistics New Way	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)		
Sử dụng dịch vụ của HAGS	1,107,591,826	1,339,562,309
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Chi phí thuê văn phòng	655,818,110	648,895,736
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	11,000,000,000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (MLA)		
Phải trả phí làm thủ tục hải quan		31,020,000
<i>Công nợ với các bên liên quan khác</i>		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12 và V.17.		

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Lũy kế đến cuối kỳ năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73,431,078,215	58,499,987,556	21,456,997,450	153,388,063,221
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>73,431,078,215</u>	<u>58,499,987,556</u>	<u>21,456,997,450</u>	<u>153,388,063,221</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>31,923,359,393</u>	<u>13,786,017,470</u>	<u>7,060,356,198</u>	52,769,733,061
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				<u>(5,787,932,216)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				46,981,800,845
Doanh thu hoạt động tài chính				4,938,159,017
Chi phí tài chính				(4,815,056,328)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập khác				210,499,634
Chi phí khác				(872,637)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4,958,499,643)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				42,356,030,888
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3,875,301,940	19,145,173,261		23,020,475,201
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5,461,019,960	12,483,264,453	2,166,208,496	20,110,492,909
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Lũy kế đến cuối kỳ năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	63,172,110,885	50,827,449,793	18,422,606,853	132,422,167,531
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63,172,110,885	50,827,449,793	18,422,606,853	132,422,167,531
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19,457,452,984	10,185,400,693	3,885,256,539	33,528,110,216
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5,212,485,120)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				28,315,625,096
Doanh thu hoạt động tài chính				4,796,860,554
Chi phí tài chính				(5,997,002,666)
Thu nhập khác				12,189,172
Chi phí khác				(2,749,229)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2,763,128,088)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				24,361,794,839
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	107,667,194			107,667,194
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9,809,448,546	7,793,317,409	1,136,196,218	18,738,962,173

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	201,995,246,608	576,381,262,647	18,703,334,509	797,079,843,764
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				613,334,238,367
Tổng tài sản				1,410,414,082,131
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	48,428,584,737	268,610,038,558	30,001,376,494	347,039,999,789
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				33,149,328,461
Tổng nợ phải trả				380,189,328,250
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	286,582,195,687	549,555,612,226	52,349,991,900	888,487,799,813
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				472,466,760,635
Tổng tài sản				1,360,954,560,448
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15,063,369,736	276,110,073,417	40,700,881,176	331,874,324,329
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				41,211,513,126
Tổng nợ phải trả				373,085,837,455

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải